

Số: /BC - CTK

Vĩnh Phúc, ngày tháng 8 năm 2023

BÁO CÁO
Tình hình kinh tế - xã hội tỉnh Vĩnh Phúc
tháng 8 và 8 tháng đầu năm 2023

1. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

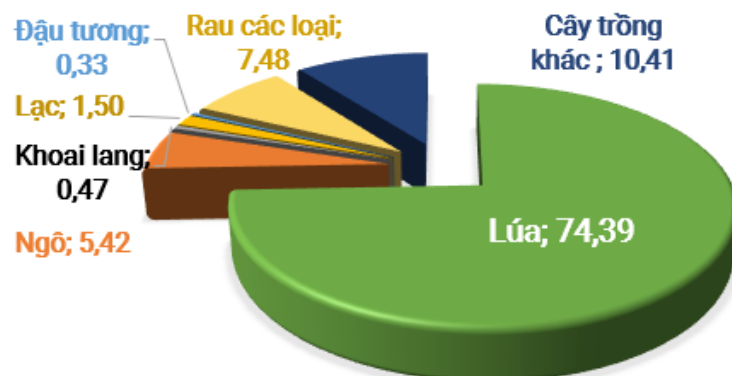
Tháng 8/2023, sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn nhìn chung thuận lợi; công tác chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh trên cây trồng được thực hiện tốt; chăn nuôi phát triển khá, không có dịch bệnh lớn xảy ra đối với đàn vật nuôi; sản xuất lâm nghiệp và thủy sản duy trì ổn định

1.1. Sản xuất nông nghiệp

a. Trồng trọt

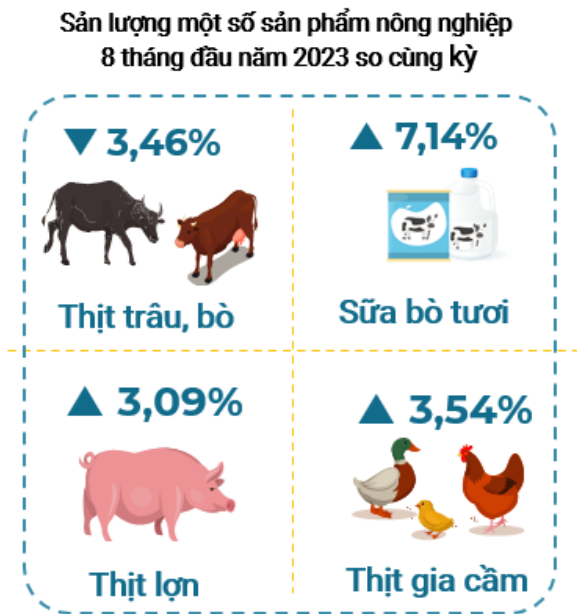
Tính đến trung tuần tháng 8/2023, công tác gieo trồng cây vụ mùa tại các địa phương cơ bản đã hoàn thành, diện tích gieo trồng ước đạt 31.634 ha đạt 98,86% kế hoạch, giảm 1,89% (-609,6 ha) so với cùng kỳ. Diện tích gieo trồng vụ Mùa năm 2023 giảm ở hầu hết các loại cây trồng chính; trong đó, diện tích lúa giảm 0,86%, ngô giảm 4,83%, khoai lang giảm 14,01%, lạc giảm 2,19%, rau các loại giảm 6,86%. Cây lúa tiếp tục giữ vai trò là cây trồng chính của tỉnh với diện tích gieo trồng ước đạt 23.532 ha, chiếm gần 75% tổng diện tích gieo trồng cây hằng năm vụ mùa. Hiện nay, các trà lúa đang trong giai đoạn thời kỳ đứng cái, làm đòng, cây sinh trưởng và phát triển tốt. Trong tháng, tại một số địa phương có xuất hiện rải rác sâu bệnh và sinh vật gây hại cây trồng. Hiện tượng này đã được cơ quan chức năng và bà con nông dân đã phát hiện kịp thời, thực hiện các biện pháp xử lý hiệu quả nên quá trình sinh trưởng và phát triển của cây trồng không bị ảnh hưởng.

Cơ cấu diện tích gieo trồng vụ Mùa năm 2023 tính đến 15/8/2023



b. Chăn nuôi

Tháng 8/2023, công tác kiểm tra, giám sát dịch bệnh gia súc, gia cầm được thực hiện chặt chẽ, trên địa bàn tỉnh hiện chưa phát hiện ổ dịch bệnh truyền nhiễm. Sản xuất chăn nuôi được duy trì ổn định, chăn nuôi lợn đã giảm bớt khó khăn do giá lợn hơi xuất chuồng ổn định hơn đã giúp người chăn nuôi có lãi. Sản lượng thịt hơi xuất chuồng ước đạt 11.155 tấn, tăng 3,98% so với cùng kỳ. Tính chung 8 tháng đầu năm: Tổng sản lượng thịt hơi xuất chuồng ước đạt 88.655 tấn, tăng 2,87%; sản lượng thịt trâu bò hơi tiếp tục xu hướng giảm do hiệu quả kinh tế không cao, ước đạt 4.508 tấn, giảm 3,46%; thịt lợn hơi ước đạt 56.882 tấn, tăng 3,09%; thịt gia cầm hơi ước đạt 27.265 tấn, tăng 3,54%; sản lượng sữa bò tươi ước đạt 39.750 tấn, tăng 7,14%; trứng gia cầm ước đạt 486,4 triệu quả, tăng 10,18% so với cùng kỳ.



1.2. Sản xuất lâm nghiệp

Tháng 8/2023, diện tích rừng trồng mới tập trung ước đạt 53,5 ha, giảm 3,6% so với cùng kỳ; sản lượng gỗ khai thác đạt 4.180 m³, tăng 0,29%; sản lượng củi ước đạt 4.089 Ste, tăng 1,59%; tổng số lượng cây trồng phân tán đạt 75,3 nghìn cây. Công tác bảo vệ và phòng chống cháy rừng nhìn chung được thực hiện tốt. Trong tháng, trên địa bàn tỉnh không có vụ cháy rừng nào xảy ra.

Tính chung 8 tháng, diện tích rừng trồng mới tập trung ước đạt 614,4 ha, tăng 1,59% so với cùng kỳ; sản lượng gỗ khai thác ước đạt 30.259 m³, tăng 3,18%; sản lượng củi khai thác ước đạt 32.580 Ste, giảm 0,47%; tổng số lượng cây trồng phân tán đạt 639,9 nghìn cây, tăng 6,65% so cùng kỳ.

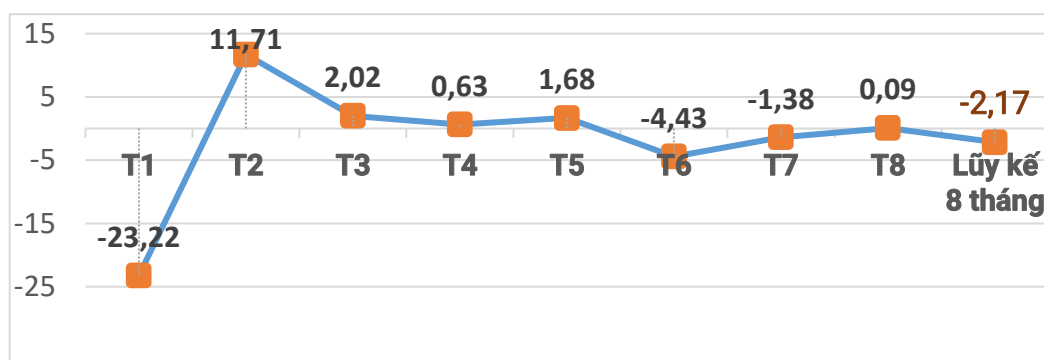
1.3. Sản xuất thủy sản

Tháng 8/2023, tổng sản lượng thủy sản ước đạt 2.435,4 tấn, tăng 3,73% so với cùng kỳ. Trong đó, sản lượng khai thác nội địa ước đạt 222,4 tấn, tăng 2,74%; sản lượng nuôi trồng ước đạt 2.213 tấn, tăng 3,83%. Tám tháng đầu năm, tổng sản lượng thủy sản ước đạt 15.773,3 tấn, tăng 3,55%; trong đó, sản lượng khai thác nội địa ước đạt 1.212,7 tấn, tăng 0,94%; sản lượng nuôi trồng ước đạt 14.560,6 tấn, tăng 3,78%; sản lượng con giống ước đạt 2.786,3 triệu con, tăng 1,45% so với cùng kỳ.

2. Sản xuất công nghiệp

Ngành sản xuất ô tô sau gần hai tháng thực hiện chính sách ưu đãi lệ phí trước bạ của Chính phủ có hiệu lực, sức mua ô tô được nhận định chưa đạt như kỳ vọng. Tình hình kinh tế khó khăn cùng với tâm lý hạn chế chi tiêu mua sắm sản phẩm có giá trị lớn như ô tô, xe máy trong tháng Bảy âm lịch đã tác động đến sản lượng sản xuất và tiêu thụ ngành ô tô và xe máy trong tháng. Ngành sản xuất linh kiện điện tử dù đang ghi nhận mức tăng so với tháng trước và so cùng kỳ nhưng xu hướng đang chậm lại do nhu cầu thị trường công nghệ giảm. Tính chung 8 tháng đầu năm, IIP vẫn ghi nhận mức giảm 2,17% so cùng kỳ, gây ra áp lực và khó khăn cho những tháng cuối năm trong việc thực hiện mục tiêu kế hoạch cả năm.

Chỉ số sản xuất công nghiệp các tháng năm 2023 so với cùng kỳ (%)



Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp tháng Tám ước tính tăng 5,29% so với tháng trước và tăng 0,09% so với cùng kỳ. So với cùng kỳ, chỉ số sản xuất ngành khai khoáng tăng 0,76%; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 0,01%; ngành sản xuất và phân phối điện giảm 2,41%; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 14,51%. Theo ngành kinh tế cấp II, trong tháng có 14/25 ngành có chỉ số sản xuất trong tháng giảm, trong đó giảm sâu nhất là ngành sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác, giảm 44,20%, do trong tháng tình hình thời tiết mưa nhiều, ảnh hưởng đến tiến độ thi công các công trình, dự án; người dân hạn chế việc khởi công xây mới/sửa chữa nhà ở và các công trình tác động tình hình sản xuất và tiêu thụ của ngành.

Tính chung 8 tháng đầu năm, ước tính IIP toàn ngành công nghiệp của Vĩnh Phúc giảm 2,17% so với cùng kỳ năm trước. Một số ngành công nghiệp duy trì hoạt động sản xuất ổn định và có có IIP tăng so với cùng kỳ năm trước: Ngành in, sao chép bản ghi các loại tăng 10,53%; sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn, trừ máy móc, thiết bị tăng 15,24%; sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học tăng 8,96%; sản xuất thiết bị điện tăng 11,59%; sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu tăng 39,94%; sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị tăng 30,04%. Ở chiều ngược lại, một số ngành có IIP giảm so với cùng kỳ do gặp khó khăn về thị trường tiêu thụ, quy mô sản xuất

giảm: Ngành dệt giảm 17,69%; sản xuất da và các sản phẩm có liên quan giảm 17,74%; chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế), sản xuất sản phẩm từ rơm, rạ và vật liệu tết bện giảm 16,28%; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic giảm 22,94%; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác giảm 28,12%; sản xuất xe có động cơ giảm 34,25%; ngành sản xuất phương tiện vận tải khác giảm 12,30%.

Sản lượng sản xuất một số sản phẩm: Tháng 8/2023, ngoài doanh thu lĩnh kiện điện tử tăng so với cùng kỳ năm trước, các sản phẩm chủ yếu còn lại đều giảm; trong đó, giảm mạnh nhất là sản phẩm gạch ốp lát với mức giảm 44,20%. Tính chung 8 tháng đầu năm, sản lượng thức ăn gia súc, giày thể thao, gạch ốp lát, xe ô tô các loại, xe máy các loại giảm so với cùng kỳ, riêng doanh thu lĩnh kiện điện tử tăng.

Biểu 1. Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu tháng Tám và 8 tháng đầu năm 2023 trên địa bàn

Sản phẩm	Đơn vị tính	Sản lượng		Tốc độ tăng (+)/giảm (-) so với cùng kỳ (%)	
		Tháng 8 năm 2023	8 tháng năm 2023	Tháng 8 năm 2023	8 tháng năm 2023
1. Thức ăn gia súc	Tấn	22.000	176.982	-7,55	-9,20
2. Giày thể thao	Nghìn đôi	871	7.563	-30,17	-17,74
3. Gạch ốp lát	Nghìn m ²	5.960,8	57.161,3	-44,20	-28,12
4. Xe ô tô các loại	Chiếc	2.897	24.708	-0,70	-34,52
5. Xe máy các loại	Chiếc	123.521	1.031.296	-7,49	-10,37
6. Doanh thu dịch vụ sản xuất lĩnh kiện điện tử	Tỷ đồng	20.085,1	141.164,5	+8,12	+8,96

Chỉ số sử dụng lao động của các doanh nghiệp công nghiệp trên địa bàn tháng 8/2023 tăng 1,99% so với tháng trước và tăng 1,84% so với cùng kỳ. Chia theo loại hình doanh nghiệp: Chỉ số sử dụng lao động của doanh nghiệp Nhà nước giảm 2,31%, doanh nghiệp ngoài quốc doanh tăng 2,13% và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tăng 1,85% so với cùng kỳ.

Chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tháng 8/2023 ước giảm 0,04% so với tháng trước và tăng 0,46% so với cùng kỳ. So với tháng trước, 10 ngành công nghiệp cấp 2 có chỉ số tiêu thụ tăng, một số ngành có mức tăng khá là: Ngành dệt tăng 4,52%; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic tăng 13,69%; sản xuất thiết bị điện tăng 9,75%; ngành sản xuất xe có động cơ tăng 5,70%. 08 ngành còn lại có chỉ số tiêu thụ giảm, giảm mạnh nhất là ngành sản

xuất da và các sản phẩm có liên quan và sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đầu với mức giảm lần lượt là 16,37% và 29,83%.

Chỉ số tồn kho toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo: Tháng 8/2023, chỉ số tồn kho toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo giảm 8,33% so với tháng trước và tăng 16,46% so với cùng kỳ. So với tháng trước, có 06 ngành có chỉ số tồn kho giảm, một số ngành có chỉ số tồn kho giảm đáng kể là: ngành sản xuất xe có động cơ giảm 45,20%; chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế); sản xuất sản phẩm từ rơm, rạ và vật liệu tết bện giảm 18,99%; ngành sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu giảm 18,14%.

3. Đầu tư và phát triển doanh nghiệp

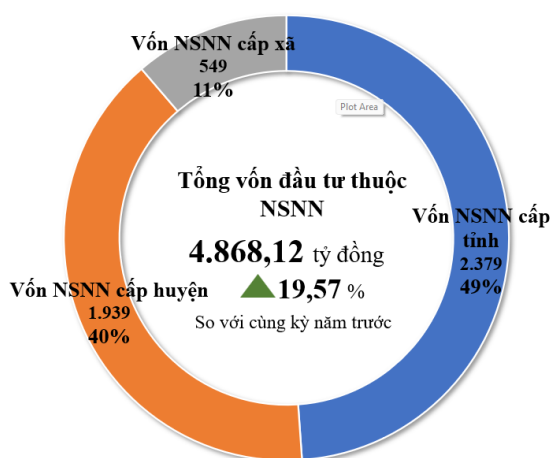
3.1. *Vốn đầu tư thực hiện thuộc nguồn ngân sách Nhà nước*

Tháng 8/2023, dự kiến tổng vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý đạt 939,21 tỷ đồng, tăng 7,36% so với tháng trước, tăng 27,99% so với tháng cùng kỳ năm trước, bằng 8,69% kế hoạch giao. Tăng đều ở cả 3 khu vực: Vốn ngân sách Nhà nước cấp tỉnh đạt 549,1 tỷ đồng, tăng 8,61%, vốn ngân sách cấp huyện đạt 280,88 tỷ đồng, tăng 4,28%, vốn ngân sách cấp xã đạt 109,23 tỷ đồng, tăng 9,36% so với tháng trước. Như vậy, hai tháng đầu quý III tổng vốn đầu tư từ nguồn ngân sách Nhà nước ước tính thực hiện đạt 16,79% vốn kế hoạch giao, cho thấy sự chỉ đạo quyết liệt của lãnh đạo tỉnh, sự quyết tâm của các Sở, ngành và địa phương đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án/công trình, đặc biệt là từ quý III/2023 nhằm tăng sức cầu của nền kinh tế, lan tỏa tới các khu vực kinh tế khác, tạo đà tích cực rõ nét cho 6 tháng cuối năm 2023.

Tính chung 8 tháng đầu năm, vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý ước đạt 4.868,12 tỷ đồng, tăng 19,57%, tỷ lệ hoàn thành kế hoạch vượt trội hơn so với cùng kỳ năm là 45,06% kế hoạch giao (cùng kỳ năm 2022 chỉ đạt 41,72% kế hoạch).

Tỷ lệ thực hiện vốn đầu tư từ nguồn ngân sách Nhà nước cao nhất là các công trình, dự án có vốn đầu tư nước ngoài (ODA) với 194,67 tỷ đồng, hoàn thành 49,16% kế hoạch giao. Vốn ngân sách Nhà nước cấp tỉnh ước đạt 2.379,9 tỷ đồng, tăng 9,17%, vốn ngân sách cấp huyện đạt 1.939 tỷ đồng, tăng

Cơ cấu vốn đầu tư thuộc nguồn NSNN do địa phương quản lý 8 tháng đầu năm 2023 (tỷ đồng)



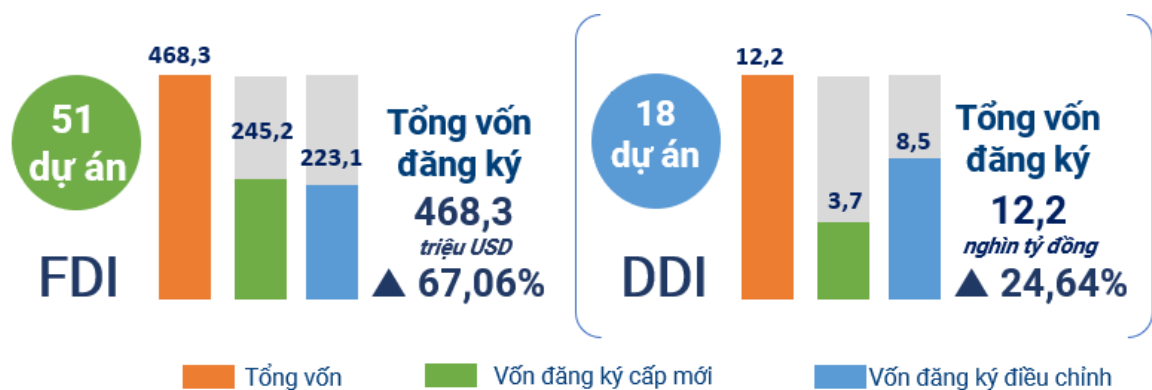
21,97%, vốn ngân sách cấp xã đạt 549,21 tỷ đồng, tăng 82,15% so với cùng kỳ năm trước.

3.2. Thu hút đầu tư trực tiếp

Trước xu hướng dịch chuyển chuỗi cung ứng và đầu tư nước ngoài vào Việt Nam, tỉnh đã tận dụng lợi thế về vị trí địa lý, cơ sở hạ tầng và những chính sách mang tính đột phá để thu hút những nhà đầu tư chiến lược, tạo “làn sóng” đầu tư mới vào địa bàn tỉnh. Tính từ 16/7-15/8/2023 tỉnh đã thu hút mới và điều chỉnh tăng vốn cho 03 dự án DDI với tổng vốn đăng ký 566,35 tỷ đồng và 11 dự án FDI với tổng vốn đăng ký đạt 27,51 triệu USD. Cùng với việc tập trung đẩy mạnh thực hiện nguồn vốn đầu tư công, công tác xúc tiến, thu hút đầu tư trực tiếp từ trong và ngoài nước cũng là một trong những động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế trên địa bàn tỉnh.

Theo số liệu Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc, đến ngày 15/8/2023, toàn tỉnh đã thu hút được 18 dự án DDI (09 dự án cấp mới, 09 dự án điều chỉnh vốn) với tổng vốn đăng ký đạt 12,21 nghìn tỷ đồng, tăng 24,64%, tăng mạnh ở các dự án điều chỉnh tăng vốn đăng ký với 8,47 nghìn tỷ đồng tăng thêm, tăng 461,79% so với cùng kỳ năm trước. Tập trung chủ yếu ở ngành dịch vụ với 6,53 nghìn tỷ đồng vốn đăng ký, chiếm 53,74%; ngành công nghiệp là 5,68 nghìn tỷ đồng, chiếm 46,26% tổng vốn đăng ký.

Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) được 51 dự án (20 dự án cấp mới, 31 dự án điều chỉnh vốn) với tổng vốn đăng ký đạt 468,27 triệu USD, tăng 67,06% so với cùng kỳ. Lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục là ngành mũi nhọn về thu hút đầu tư FDI với 49/51 dự án. Nhật Bản và Hàn Quốc vẫn luôn là 2 nhà đầu tư chiến lược, tin cậy và gắn bó lâu dài với định hướng phát triển kinh tế của tỉnh, cụ thể: Nhật Bản đầu tư 101,68 triệu USD (cho 06 dự án) chiếm 21,71%; Hàn Quốc đầu tư 90,19 triệu USD (cho 23 dự án) chiếm 19,26% tổng vốn FDI đăng ký.



3.3. Tình hình đăng ký doanh nghiệp

Tính đến ngày 15/8/2023, toàn tỉnh có 1.007 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với tổng số vốn đăng ký là 8.090 tỷ đồng, dự kiến giải quyết việc làm cho 6.475 lao động, tăng 12,14% về số doanh nghiệp, tăng 25,87% số lao động nhưng giảm 29,71% về vốn đăng ký so với cùng kỳ năm trước.

Một số ngành có số lượng doanh nghiệp tăng cao so với cùng kỳ: Ngành nghệ thuật, vui chơi và giải trí tăng 150%; ngành giáo dục tăng 100%; ngành vận tải kho bãi tăng 59,46%... Xét về cơ cấu số lượng doanh nghiệp thành lập mới, tập trung chủ yếu ở ngành bán buôn và bán lẻ, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác với 342 doanh nghiệp, chiếm 33,96%, tăng 14,38%; ngành công nghiệp chế biến chế tạo với 184 doanh nghiệp, chiếm 18,27%, tăng 6,98%; ngành xây dựng với 165 doanh nghiệp, chiếm 16,39%, tăng 25% so với cùng kỳ năm trước;...

Số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động là 273 doanh nghiệp, giảm 13,06% so với cùng kỳ, nâng tổng số doanh nghiệp thành lập mới và doanh nghiệp quay trở lại hoạt động lên 1.280 doanh nghiệp (trung bình mỗi tháng có 160 doanh nghiệp thành lập mới và quay trở lại hoạt động).

Số doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường tiếp tục có chiều hướng gia tăng. Số lượng doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn, ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể và hoàn tất thủ tục giải thể trong kỳ là 704 doanh nghiệp, tăng 36,43% so với cùng kỳ, bao gồm: 614 doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn, tăng 32,04%; 90 doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể, tăng 76,47% so với cùng kỳ. Trung bình mỗi tháng có 88 doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường.

4. Thương mại, dịch vụ

Tháng 8/2023, mặc dù có sự trầm lắng hơn ở thị trường bán lẻ một số ngành do tâm lý người dân hạn chế mua sắm trong tháng Bảy âm lịch, đặc biệt với các mặt hàng có giá trị lớn như ô tô, xe máy, đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình, tuy nhiên đánh giá chung tình hình kinh doanh thương mại và dịch vụ trên địa bàn được dự báo vẫn duy trì mức tăng so với tháng trước và tăng cao so với cùng kỳ. Đây là tháng thứ hai được áp dụng các chính sách giảm thuế, kích cầu tiêu dùng, mức tăng so với cùng kỳ vẫn duy trì ở mức 2 con số (+16,27%), là tháng thứ sáu liên tiếp tăng so với tháng trước (+0,42%). Tính chung 8 tháng đầu năm, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt 53.079 tỷ đồng, tăng 23,72% so với cùng kỳ.

4.1. Bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng

Tháng 8/2023, tổng mức bán lẻ hàng hóa, doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt 6.760 tỷ đồng, tăng 0,42% so với tháng 7/2023 và tăng 16,27% so với tháng 8/2022.

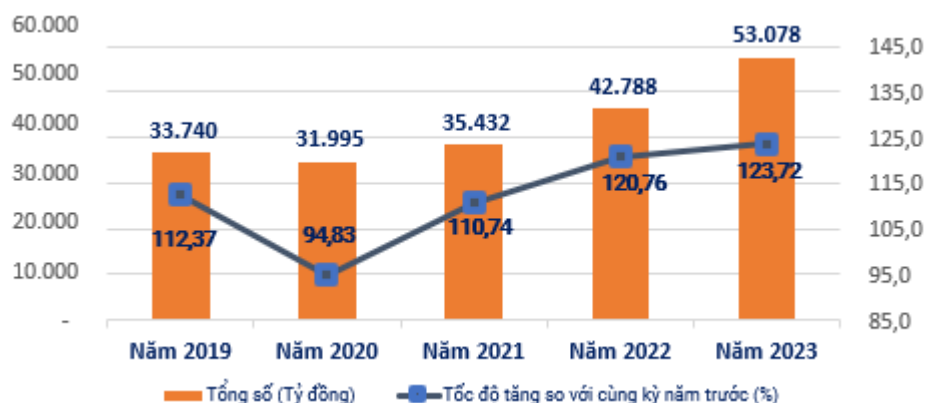
Doanh thu bán lẻ hàng hóa ước đạt 5.748,3 tỷ đồng, chiếm 85,03% tổng mức, tăng 0,35% so với tháng Bảy và tăng 14,59% so với cùng kỳ. Doanh thu của một số nhóm ngành hàng tháng Tám tăng khá ở mức 2 con số so với cùng kỳ: Hàng may mặc ước đạt 297,7 tỷ đồng, tăng 39,74%; phương tiện đi lại, trừ ô tô con (kể cả phụ tùng) ước đạt 308,2 tỷ đồng, tăng 31,32%; nhiên liệu khác (trừ xăng dầu) ước đạt 63,4 tỷ đồng tăng 30,50%; xăng dầu các loại ước đạt 660,5 tỷ đồng, tăng 28,70%; đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình ước đạt 486,2 tỷ đồng, tăng 27,87%; vật phẩm, văn hoá, giáo dục ước đạt 45 tỷ đồng, tăng 21,86%.

Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành trong tháng Tám ước đạt 620,1 tỷ đồng, chiếm 9,17% tổng mức, tăng 0,68% so với tháng Bảy và tăng 34,64% so với cùng kỳ. Trong đó, doanh thu dịch vụ lưu trú ước đạt 89,5 tỷ đồng, tăng 18,61%; doanh thu dịch vụ ăn uống ước đạt 489,6 tỷ đồng, tăng 35,03%; hoạt động du lịch lữ hành ước đạt 41 tỷ đồng, tăng 82,07% so với cùng kỳ.

Doanh thu các ngành dịch vụ tiêu dùng khác trong tháng Tám ước đạt 391,6 tỷ đồng, chiếm gần 5,80% tổng mức, tăng 1,01% so tháng Bảy và tăng 16,24% so với cùng kỳ.

Tính chung 8 tháng đầu năm 2023, tổng mức bán lẻ hàng hóa, lưu trú ăn uống, du lịch lữ hành và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt 53.079 tỷ đồng, tăng 23,72% so với cùng kỳ. Trong đó, doanh thu bán lẻ hàng hóa ước đạt 45.223,4 tỷ đồng, chiếm 85,20% tổng mức, tăng 20,44%; doanh thu các ngành dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành ước đạt 4.775,3 tỷ đồng, chiếm 9% tổng mức, tăng 65,36%; doanh thu các ngành dịch vụ tiêu dùng khác ước đạt 3.080,4 tỷ đồng, chiếm 5,80% tổng mức, tăng 24,85%.

Quy mô và tốc độ Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng



4.2. Vận tải hành khách và hàng hoá

Tháng Tám, hoạt động giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh duy trì sự ổn định, đáp ứng đầy đủ nhu cầu về vận chuyển hành khách và hàng hóa phục vụ sản xuất kinh doanh. Doanh thu toàn ngành ước đạt 531,21 tỷ đồng, tăng 3,17% so với tháng trước và tăng 21,50% so với cùng kỳ. Tính chung 08 tháng đầu năm doanh thu vận tải ước đạt 3.869,5 tỷ đồng, tăng 17,21% so với cùng kỳ. Kết quả cụ thể như sau:

Vận tải hành khách: Doanh thu vận tải hành khách ước đạt 88,85 tỷ đồng, tăng 1,95% so với tháng trước và tăng 6,46% so với cùng kỳ với trên 1,93 triệu lượt khách vận chuyển tăng 5,71% và 122,3 triệu lượt người.km luân chuyển tăng 21,86% so cùng kỳ. Tính chung 8 tháng đầu năm, vận tải hành khách đạt gần 15,2 triệu lượt khách, tăng 21,2% và 913,7 triệu lượt người.km luân chuyển tăng 21,0% so với cùng kỳ.

Vận tải hàng hoá: Doanh thu vận tải hàng hóa ước đạt 408,4 tỷ đồng, tăng 2,93% so với tháng trước và tăng 25,09% so với cùng kỳ, đạt 5,0 triệu tấn hàng hóa vận chuyển tăng 48,23% và 356,8 triệu tấn.km hàng hoá luân chuyển tăng 45,9% so với cùng kỳ. Tính chung 8 tháng đầu năm, vận tải hàng hóa đạt gần 35,5 triệu tấn hàng hóa vận chuyển, tăng 31,57%; luân chuyển ước đạt 2.538 triệu tấn.km, tăng 40,19% so với cùng kỳ.

4.3. Chỉ số giá

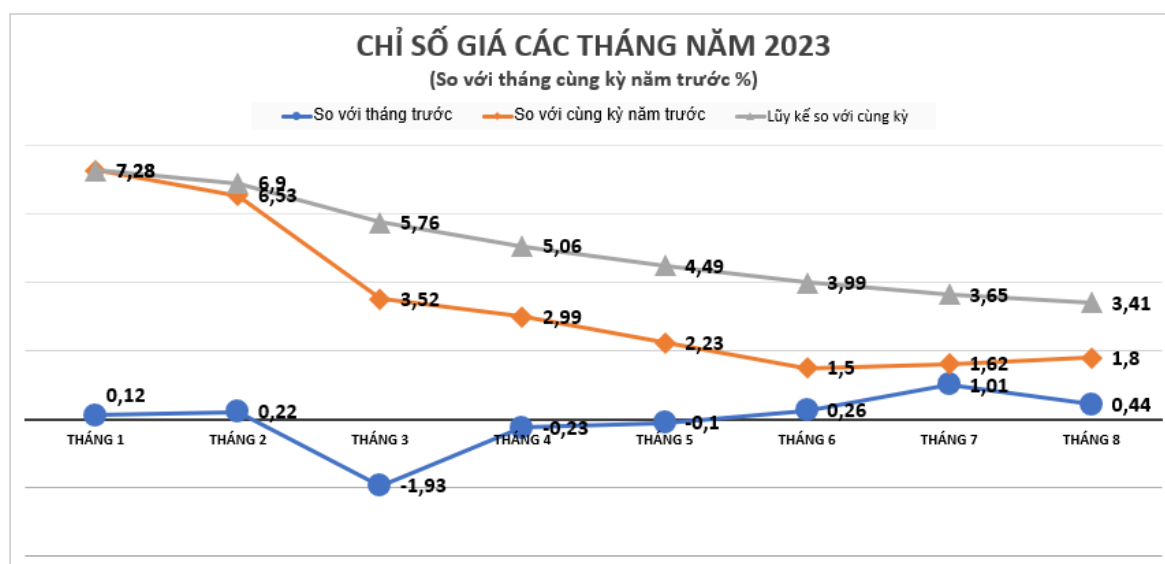
Các yếu tố chính trị và kinh tế toàn cầu tác động trực tiếp đến giá gas, giá xăng dầu trong nước tăng, cùng với việc thị trường gạo xuất khẩu tăng cao đang làm tăng giá thóc gạo trong nước. Điều này đã góp phần làm tăng chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 8/2023 lên 0,44% so với tháng trước và 1,80% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân 8 tháng đầu năm 2023, CPI đã tăng 3,41% so với cùng kỳ năm trước.

Tháng 8/2023, CPI tăng 0,44% so với tháng trước, là tháng thứ 3 liên tiếp ghi nhận mức CPI tăng, tuy nhiên mức tăng đang có xu hướng chậm lại. Trong 11 nhóm hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng chính, có 6 nhóm hàng tăng giá, 4 nhóm hàng giảm giá và 01 nhóm có giá ổn định so với tháng trước.

Chỉ số giá nhóm giao thông tăng cao với mức tăng 3,12% so với tháng trước, tác động làm CPI chung tăng 0,29 điểm phần trăm, đây là nhóm có chỉ số tăng cao nhất so với các nhóm còn lại, do giá xăng dầu được điều chỉnh tăng liên tiếp trong 4 kỳ gần nhất. Tiếp theo là nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 0,36%, tăng chủ yếu ở nhóm lương thực, nguyên nhân do giá gạo xuất khẩu liên tục tăng mạnh, kéo theo giá bán các loại gạo trên địa bàn bình quân tăng 7,20% Gạo tẻ thường tăng 8,22%; gạo tẻ ngon tăng 5,01%; gạo nếp tăng 2,85. Nhóm

văn hóa, giải trí và du lịch tăng 0,99%, tăng nhiều ở mặt hàng ti vi màu tăng 3,75% và dụng cụ thể dục, thể thao tăng 1,38% so với tháng trước; nhóm nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 0,13%, tác động tới CPI tăng 0,02 điểm phần trăm chủ yếu do giá gas trong tháng tăng 7,57%, giá dầu hỏa tăng 15,99% do sự điều chỉnh của tập đoàn Xăng dầu Việt Nam.

Ở chiều ngược lại, có 4/11 nhóm hàng có chỉ số giá giảm, trong đó: Nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình giảm 0,17% do giá điều hòa nhiệt độ giảm 2,52%, tủ lạnh giảm 0,32%,... do một số cửa hàng áp dụng chính sách giảm giá, kích cầu người tiêu dùng; nhóm đồ uống và thuốc lá giảm 0,13% do nhu cầu tiêu dùng giảm nên các cửa hàng, siêu thị giảm giá bán để thu hồi vốn; nhóm may mặc, mũ nón và giày dép giảm 0,07%; nhóm thuốc và dịch vụ y tế giảm 0,04% so với tháng trước.



Bình quân 8 tháng đầu năm 2023, CPI tăng 3,41% so với cùng kỳ. Đóng góp lớn nhất vào mức tăng của CPI là nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 5,31% so với cùng kỳ năm trước, tác động làm CPI tăng 1,77 điểm phần trăm; việc điều chỉnh mức học phí tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh bắt đầu từ năm học 2022-2023 làm chỉ số giá của nhóm giáo dục tăng 18,90% so với cùng kỳ năm trước, tác động làm CPI tăng 1,22 điểm phần trăm. Các nhóm còn lại cũng ghi nhận mức tăng như: Nhóm đồ uống và thuốc lá, tăng 5,25%; Nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 3,78%; Nhóm văn hóa, giải trí và du lịch tăng 2,71%; Nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng tăng 0,22%.

Bên cạnh đó, các yếu tố làm giảm CPI trong 8 tháng đầu năm: Nhóm giao thông giảm 6,13%, tác động làm CPI giảm 0,57% do giá nhiên liệu trong nước giảm 15,15% so với cùng kỳ năm trước theo biến động của giá Thế giới (xăng giảm 17,11%, dầu diesel giảm 15,65%). Tính từ đầu năm đến nay đã có 24 lần điều chỉnh giá xăng trong đó có 12 lần điều chỉnh tăng giá và 11 lần điều chỉnh giảm giá và 01 giữ nguyên. Chỉ số giá nhóm bưu chính, viễn thông giảm 0,44%

do giá điện thoại thể hệ cũ và máy tính bảng giảm, tác động làm CPI giảm 0,02 điểm phần trăm.

Chỉ số giá vàng và Đô la Mỹ: Tháng 8/2023, chỉ số giá vàng tăng 1,27% so với tháng trước, tăng 4,29% so với tháng 12/2022 và tăng 6,26% so với cùng kỳ năm trước; bình quân 8 tháng đầu năm 2023 giá vàng tăng 0,71%. Chỉ số giá đô la Mỹ tăng 0,72% so với tháng trước, giảm 2,96% so với tháng 12/2022 và tăng 0,68% so với cùng kỳ năm trước; bình quân 8 tháng đầu năm 2023 giá USD tăng 0,94%.

5. Tài chính, ngân hàng, bảo hiểm

5.1. Tình hình thu, chi ngân sách Nhà nước

Tính đến 15/8/2023, theo số liệu của Kho bạc Nhà nước, tổng thu ngân sách trên địa bàn đạt 17.034 tỷ đồng, giảm 27,66% so với cùng kỳ, bằng 52,68% sự toán giao đầu năm. Giảm chủ yếu ở một số nguồn thu chủ lực như: Thu từ doanh nghiệp đầu tư nước ngoài, thu hải quan do khó khăn trong hoạt động sản xuất của các doanh nghiệp và tác động của các chính sách giảm, giãn thu của Nhà nước mới ban hành. Cụ thể: Thu nội địa đạt 13.975 tỷ đồng, giảm 28,07%, trong đó, thu từ doanh nghiệp đầu tư nước ngoài đạt 10.110 tỷ đồng, chiếm 59,35% tổng thu ngân sách trên địa bàn, giảm 27,29%, giảm sâu ở thuế tiêu thụ đặc biệt khu vực doanh nghiệp nước ngoài (đạt 4.817 tỷ đồng, giảm 42,07%). Thu từ Hải quan đạt 3.037 tỷ đồng, giảm 25,88% so với cùng kỳ năm trước.

Tổng chi ngân sách nhà nước đến ngày 15/8/2023 đạt 16.333 tỷ đồng, tăng 14,54% so với cùng kỳ. Trong đó, chi đầu tư phát triển (bao gồm cả tạm ứng) đạt 9.480 tỷ đồng, tăng 17,07%; chi thường xuyên đạt 6.787 tỷ đồng, tăng 10,81% so với cùng kỳ. Nhìn chung, công tác quản lý chi ngân sách đã được tăng cường, kiểm soát chi chặt chẽ, quản lý chi theo dự toán, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí nhưng vẫn bảo đảm các nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

5.2. Hoạt động ngân hàng, tín dụng

Tháng 8/2023, mặt bằng lãi suất huy động và cho vay trên địa bàn duy trì xu hướng giảm so với cuối năm 2022 (giảm khoảng 1%/năm) nhờ vào các chính sách điều hành của ngân hàng Nhà nước (NHNN) và chương trình ưu đãi giảm lãi suất từ các ngân hàng thương mại (NHTM). Lãi suất cho vay trên địa bàn phổ biến từ 4-11%/năm đối với từng kỳ hạn và đối tượng; lãi suất huy động bằng VNĐ phổ biến từ 0,2-7,5%/năm đối với từng kỳ hạn.

Tổng nguồn vốn huy động dự kiến đến 31/8/2023 đạt 113.000 tỷ đồng, tăng 3,12% so với cuối năm 2022. Tình hình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn khiến các doanh nghiệp không còn nguồn tiền nhàn rỗi, các doanh nghiệp nước ngoài thực hiện quyết toán, chuyển lợi nhuận về nước

làm cho nguồn vốn huy động từ nguồn này không ổn định và có xu hướng giảm trong những tháng gần đây (ước đạt 33.840 tỷ đồng, giảm 14,37% so với cuối năm 2022). Tuy nhiên, trong cơ cấu huy động, tiền gửi dân cư vẫn tăng trưởng ổn định (ước đạt 78.500 tỷ đồng) tăng 13,3% so với cuối năm 2022, chiếm 69,74% tổng nguồn vốn huy động. Cho thấy gửi tiết kiệm ngân hàng là kênh đầu tư an toàn và có lãi, được người dân tin tưởng lựa chọn.

Tổng dư nợ cho vay ước tính đến 31/8/2023 ước đạt 120.800 tỷ đồng, tăng 4,33% so với cuối năm 2022, chủ yếu ở các khoản vay ngắn hạn, có tính thanh khoản cao. Trong đó, dư nợ cho vay ngắn hạn ước đạt 86.000 tỷ đồng, chiếm 71,19% tổng dư nợ, tăng 3,52%; dư nợ cho vay trung và dài hạn đạt 34.800 tỷ đồng, tăng 6,37% so với cuối năm 2022. Theo đối tượng vay vốn, dư nợ khu vực hộ gia đình, tư nhân, cá thể vẫn chiếm tỷ trọng lớn, ước đạt 68.670 tỷ đồng, chiếm 56,85% tổng dư nợ, khu vực doanh nghiệp ước đạt 52.000 tỷ đồng, chiếm 43,05% tổng dư nợ tăng 6,59% so với cuối năm 2022. Nợ xấu 892 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 0,74% trên tổng dư nợ.

Tính đến ngày 31/7/2023, chính sách hỗ trợ lãi suất 2% đối với doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh theo Nghị định 31 và Thông tư 03 đã mang lại kết quả khá tích cực. Có tổng cộng 63 khách hàng được hỗ trợ lãi suất, với số tiền hỗ trợ lên đến 23,25 tỷ đồng. Kết quả Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội của ngân hàng CSXH tỉnh: cho vay người sử dụng lao động để trả lương ngừng việc và trả lương phục hồi với số tiền 1,52 tỷ đồng; cho vay học sinh, sinh viên để mua máy tính và thiết bị học trực tuyến đạt 6,93 tỷ đồng; cho vay mua, thuê mua nhà ở theo Nghị định số 100/2015/NĐ-CP đạt 200,69 tỷ đồng; cho vay cơ sở giáo dục mầm non và tiểu học ngoài công lập bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19 với số tiền 4,54 tỷ đồng.

5.3. Bảo hiểm

Ước tính đến 31/8/2023, toàn tỉnh có 1.147.546 người tham gia bảo hiểm các loại. Trong đó, có 246.415 người tham gia BHXH, chiếm 42,8% lực lượng lao động (bao gồm: BHXH bắt buộc: 228.557 người; BHXH tự nguyện: 17.858 người); tham gia BH thất nghiệp có 220.213 người, chiếm 38,3% lực lượng lao động; tham gia BHYT có 1.133.433 người, tỷ lệ bao phủ BHYT đạt 94,6% dân số. Tổng số tiền thu bảo hiểm các loại ước đạt 4.129,2 tỷ đồng, đạt 63,8% kế hoạch giao và tăng 11,35% so với cùng kỳ năm 2022. Công tác chi trả, nhất là trả lương hưu và trợ cấp BHXH được thực hiện đồng bộ, nhanh gọn và an toàn đến tận tay đối tượng: Trong 8 tháng đầu năm BHXH tỉnh đã giải quyết hưởng BHXH hàng tháng cho 440 người; giải quyết hưởng BHXH một lần cho 9.133 người; giải quyết ốm đau, thai sản, dưỡng sức cho 84.524 lượt người; lập danh sách chi trả cho 9.118 lượt người hưởng bảo hiểm thất nghiệp.

6. Một số vấn đề xã hội

6.1. Y tế

Công tác phòng chống dịch bệnh: Tình hình dịch bệnh Covid-19 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc cơ bản ổn định, số ca mắc ghi nhận duy trì ở mức thấp, các đơn vị y tế trên địa bàn tỉnh tiếp tục thực hiện nghiêm các biện pháp phòng, chống dịch theo các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo của Bộ Y tế, của Ban chỉ đạo Phòng chống Dịch bệnh tỉnh, Sở Y tế về công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19. Trong tháng, phát sinh 42 ca, giảm 12 ca so với tháng trước, trên địa bàn tỉnh không có trường hợp tử vong do Covid.

Tình hình một số bệnh truyền nhiễm: Ngành Y tế của tỉnh đã chủ động phối hợp với các cấp, các ngành liên quan thực hiện tuyên truyền, nâng cao nhận thức của người dân trong việc chủ động phòng, chống dịch bệnh: 367 ca Cúm, giảm 13 ca; 92 ca Tiêu chảy, giảm 23 ca; 13 ca Viêm gan vi rút B, không tăng không giảm; 28 ca mắc Sốt xuất huyết, tăng 23 ca; 29 ca Tay - Chân - Miệng, tăng 04 ca... Các ca mắc đều được các cơ sở y tế điều trị kịp thời, không để các dịch bệnh bùng phát xảy ra.

Tình hình an toàn vệ sinh thực phẩm (VSATTP): Công tác an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc tiếp tục được tăng cường và luôn nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của UBND tỉnh. Sở Y tế và các đơn vị Y tế trên địa bàn tỉnh đã tổ chức nhiều hoạt động truyền thông về an toàn vệ sinh thực phẩm như tổ chức lớp tập huấn, phát thanh trên hệ thống loa phát thanh, viết tin bài. Trong tháng, ngành Y tế và UBND các cấp phối hợp thanh tra, kiểm tra, giám sát được 134 lượt cơ sở về vệ sinh an toàn thực phẩm: có 118 cơ sở đạt tiêu chuẩn chiếm tỷ lệ 88,05%; 16 cơ sở nhắc nhở chiếm tỷ lệ 11,95%. Toàn tỉnh đã tiến hành xét nghiệm: 587 mẫu thực phẩm; số mẫu thực phẩm đạt: 582 mẫu (chiếm tỷ lệ: 99,14%); số mẫu thực phẩm không đạt: 05 mẫu (chiếm tỷ lệ: 0,86%). Trong tháng, trên địa bàn tỉnh không ghi nhận vụ ngộ độc thực phẩm.

Công tác phòng chống HIV/AIDS: Tại tỉnh Vĩnh Phúc, tính đến đầu tháng 8: Lũy tích có 4.839 người nhiễm HIV (trong đó số người nhiễm HIV có hộ khẩu tại tỉnh là 2.280 người), lũy tích số người chuyển AIDS là 2.332 người (trong đó có hộ khẩu tại tỉnh là 1.533 người), lũy tích số người tử vong do AIDS là 1.102 người (trong đó có hộ khẩu tại tỉnh là 902 người), số người nhiễm HIV hiện còn sống có hộ khẩu tại tỉnh là 1.378 người. Số bệnh nhân đang nhận thuốc điều trị ARV là 1.149 bệnh nhân (trong đó có 22 trẻ em).

6.2. Giáo dục và đào tạo

Ngày 08/8/2023, UBND tỉnh Vĩnh Phúc có Quyết định số 1756/QĐ-CT về việc ban hành Khung kế hoạch thời gian năm học 2023-2024 đối với giáo dục

mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên. Theo đó, ngày tựu trường sớm nhất của học sinh Vĩnh Phúc là ngày 29/8 - trước 01 tuần so với ngày tổ chức khai giảng; riêng đối với lớp 1, tựu trường sớm nhất là ngày 22/8 - trước 02 tuần so với ngày khai giảng; tổ chức khai giảng vào ngày 05/9/2023. Hiện nay, các cấp học trên địa bàn tỉnh đang khẩn trương hoàn thiện việc bổ sung, sửa chữa cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, tu sửa cảnh quan trường lớp để chào đón năm học mới.

Trong tháng, trường Trung học phổ thông Chuyên Vĩnh Phúc đã tổ chức Trại hè Hùng Vương lần thứ XVII, năm 2023 với sự tham gia của 20 Trường THPT Chuyên khu vực Trung du và miền núi phía Bắc. Đây là dịp để bồi dưỡng và phát triển năng khiếu cho học sinh của các trường thành viên. Nâng cao năng lực chuyên môn, năng lực tổ chức các hoạt động xã hội đối với cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên các trường thành viên. Tăng cường hợp tác, trao đổi, hỗ trợ nguồn lực giữa các trường thành viên trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

6.3. Văn hóa, thể thao

Nhân dịp kỷ niệm 76 năm Ngày Thương binh - Liệt sĩ (27/7/1947-27/7/2023), Đoàn cán bộ lãnh đạo của tỉnh đã đến dâng hoa và thắp hương tưởng niệm các Anh hùng, liệt sĩ tại Thành cổ Quảng Trị - Khu di tích Đặc biệt Quốc gia và Nghĩa trang Liệt sĩ Quốc gia đường 9 tỉnh Quảng Trị; thăm hỏi, tặng quà các thương binh, bệnh binh, gia đình liệt sĩ, người có công tiêu biểu ở huyện, thành phố; tuyên truyền để các địa phương tiến hành chăm sóc, tu bổ, làm sạch đẹp các nghĩa trang liệt sĩ, nhà bia, đài tưởng niệm các liệt sĩ tại địa phương mình; phối hợp tổ chức các chương trình Dâng hương tưởng niệm các anh hùng liệt sỹ tại Đài tưởng niệm Liệt sỹ Tỉnh... Bên cạnh đó, công chúng còn được thưởng thức những tác phẩm điện ảnh đặc sắc gồm thể loại phim tư liệu, phim truyện, phim hoạt hình về đề tài thương binh – liệt sỹ, chiến tranh cách mạng, về người thầy Chu Văn An có đóng góp to lớn cho nền giáo dục Việt Nam do Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch tổ chức khai mạc tại Nhà hát tỉnh (từ ngày 27/7 đến ngày 28/7/2023).

Trong kỳ, ngành chức năng của tỉnh đã tổ chức nhiều hoạt động thể dục thể thao nhằm nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần cho nhân dân trên địa bàn như: Tại Nhà thi đấu tỉnh, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức khai mạc Giải vô địch Cúp các câu lạc bộ bóng chuyền hơi tỉnh Vĩnh Phúc năm 2023 với sự tham gia của 51 đội thuộc các CLB thể dục thể thao đến từ các huyện, thành phố, các sở, ngành, đoàn thể trong tỉnh; từ ngày 03/8 đến ngày 06/8/2023, Liên đoàn Bóng chuyền Việt Nam phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Vĩnh Phúc tổ chức Giải bóng chuyền nữ 4 nước Đông Nam Á: Thái Lan, Việt Nam, Indonesia và Philippines.

6.4. An ninh, trật tự, giao thông, phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường

Tình hình an ninh trật tự: Tháng 8/2023, tình hình an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh nhìn chung ổn định. Công an tỉnh đã triển khai nhiều phương án nghiệp vụ để đối phó với các loại tội phạm thường xuyên xảy ra trên địa bàn như: Tội phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản, tín dụng đen, cướp giật, trộm cắp,... Từ ngày 15/7/2023 đến ngày 14/8/2023, tỉnh Vĩnh Phúc xảy ra 51 vụ vi phạm trật tự an toàn xã hội (tăng 10 vụ so với tháng trước), bị thương 10 người, thiệt hại tài sản 3.400,12 triệu đồng, đã điều tra làm rõ 46 vụ (đạt 90,2%) bắt giữ 86 đối tượng, thu hồi tài sản trị giá 1.124,90 triệu đồng.

Tình hình an toàn giao thông: Trong tháng, trên địa bàn tỉnh đã xảy ra 03 vụ tai nạn giao thông đường bộ làm 01 người bị chết và 07 người bị thương. Lũy kế 8 tháng đầu năm, trên địa bàn tỉnh đã xảy ra 17 vụ tai nạn giao thông, làm 13 người chết và 21 người bị thương, so với kỳ năm trước, số vụ tai nạn giảm 06 vụ, giảm 04 người chết, tăng 10 người bị thương.

Tình hình cháy, nổ: Trong tháng, trên địa bàn tỉnh xảy ra 01 vụ cháy hộ nhà dân, thiệt hại ước tính 10 triệu đồng. Tính chung 8 tháng đầu năm xảy ra 11 vụ cháy, giảm 03 vụ so với cùng kỳ.

Công tác bảo vệ môi trường: Trong tháng, trên địa bàn tỉnh phát hiện 22 vụ vi phạm môi trường (VPMT); số vụ đã xử lý là 22 vụ với số tiền xử phạt là 26,0 triệu đồng. Lũy kế 8 tháng đầu năm phát hiện 197 vụ, số tiền xử phạt là 2,56 tỷ đồng, giảm 13,2% về số vụ và tăng 16,21% về số tiền xử phạt.

Tình hình thiên tai: Trong tháng, trên địa bàn huyện Tam Đảo xảy ra 02 vụ thiên tai, vào rạng sáng ngày 04/8 và từ ngày 07/8 đến 11/8 mưa lớn đã gây ngập diện tích lúa là 13,4 ha và sạt lở mái taluy dương quốc lộ 2B với 300m³ đất đá bị sạt lở, 01 cột điện chiếu sáng bị vùi lấp. Hiện nay các cơ quan chức năng chưa ước tính được giá trị thiệt hại. Ngay sau khi có mưa lớn xảy ra, các ngành chức năng trong tỉnh đã nhanh chóng ứng phó và triển khai các biện pháp khắc phục hậu quả thiên tai. Hiện nay các cơ quan chức năng chưa ước tính được giá trị thiệt hại. Lũy kế từ đầu năm xảy ra 04 vụ thiên tai, so cùng kỳ năm trước số vụ thiên tai tăng 01 vụ, số người chết giảm 06 người, số người bị thương giảm 01 người./.

Nơi nhận :

- Vụ TH-TCTK (b/c)
- Tỉnh uỷ, UBND, HĐND tỉnh (b/c);
- Một số Sở, ngành của tỉnh;
- Lưu VT, TH.

CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Hồng Phong

